TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Quý.

2. Bà Nguyễn Thị Vân Khanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 773/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1987; thường trú: Số 168/3, quốc lộ 1K, khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Bạch Văn Q, sinh năm 1985; thường trú: Số 3/9, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

3. Người làm chứng: Bà Đặng Thị Thanh D, sinh năm 1965; thường trú: Số 168/3, quốc lộ 1K, khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Bạch Văn Q tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01, ngày 12/9/2011.

Sau khi kết hôn, chị H và anh Q về sinh sống tại số 3/9, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương một thời gian. Sau đó, anh chị về sinh sống tại số 168/3, quốc lộ 1K, khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2017, do vợ chồng mâu thuẫn nên anh Q về nhà cha mẹ sinh sống, chị cùng các con vẫn sinh sống ở nơi thường trú và anh chị sống ly thân cho đến nay.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã; anh Q mê cờ bạc, rượu chè, đi làm không phụ tiền nuôi 02 con, không quan tâm chăm sóc đến vợ con; mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh Q có 02 con chung là Bạch Phương N, sinh ngày 06/9/2012 và Bạch Minh H, sinh ngày 22/9/2015. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Chị H chịu theo quy định pháp luật.

- Quá trình tố tụng, bị đơn anh Bạch Văn Q đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, triệu tập làm việc để làm bản tự khai, cung cấp chứng cứ vào ngày 06/8/2018; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/9/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 24/9/2018 và ngày 11/10/2018, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do.

- Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ngày 15/8/2018 tại UBND phường A, thị xã D và ngày 20/8/2018 tại UBND phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường A và phường L không tiếp nhận thông tin từ cơ sở phản ánh về mâu thuẫn vợ chồng và về vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung giữa chị Trần Thị Thu H và anh Bạch Văn Q, đồng thời không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

- Lời khai của người làm chứng bà Đặng Thị Thanh D: Năm 2011, con gái bà là chị Trần Thị Thu H kết hôn với anh Bạch Văn Q, sau khi kết hôn chị H về sinh sống bên nhà chồng tại số 3/9, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương một thời gian. Sau đó, vợ chồng chị H dọn về nhà bà ở số 168/3, quốc lộ 1K, khu phố 1, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Đến năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn nên anh Q dọn về nhà cha mẹ ở và cả hai sống ly thân cho đến nay. Chị H sinh được 02 cháu là Bạch Phương N và Bạch Minh H. Từ lúc sống chung cho đến nay, anh Q không phụ giúp tiền bạc để phụ nuôi con. Hiện tại chị H làm công ty và cho thuê đất thu nhập cũng vừa đủ để lo cho hai

con, thỉnh thoảng gia đình cũng hỗ trợ thêm. Quá trình chung sống vợ chồng chị H ban đầu cũng hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Anh Q hay cờ bạc, rượu chè say xỉn, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị H đã tha thứ nhiều lần nhưng anh Q vẫn không thay đổi.

- Ngoài ra, Tòa án đã triệu tập người làm chứng ông Bạch Văn D là cha ruột và sinh sống chung với anh Bạch Văn Q để làm rõ về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q nhưng ông D không đến Tòa án làm việc.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Bạch Văn Q được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh Q có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2015, không thể hàn gắn và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do đó, chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Q là có căn cứ. Về con chung, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại hai cháu còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ, chị H có thu nhập đảm bảo việc nuôi con nên yêu cầu này của chị là phù hợp. Thực tế, quá trình chung sống anh Q cũng không phụ giúp tiền bạc để nuôi con, từ khi ly thân chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Văn Q và được nuôi con chung nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Bạch Văn Q được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Bạch Văn Q là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01, ngày 12/9/2011 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị H xác định trong quá trình chung sống với anh Q xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau, thực tế anh Q, chị H đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị H trình bày những mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của người làm chứng. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích đó vợ chồng phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng anh Q đều vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, anh Q cũng không có văn bản nào thể hiện thiện chí đưa ra phương pháp hàn gắn mối quan hệ giữa anh và chị H. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị H và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Bạch Văn Q có 02 con chung là Bạch Phương N, sinh ngày 06/9/2012 và Bạch Minh H, sinh ngày 22/9/2015. Chị H yêu cầu sau khi ly hôn được nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của chị H. Xét trong thời kỳ hôn nhân, anh Q không phụ giúp chị H chăm lo cho các con, cũng không phụ giúp tiền bạc để nuôi con. Hiện nay chị H làm công nhân và cho thuê đất, hiện tại thu nhập của chị đảm bảo lo cho con, mặt khác hai con còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, do đó yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H đối với bị đơn anh Bạch Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Bạch Văn Q (Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01, ngày 12/9/2011 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Bạch Phương N, sinh ngày 06/9/2012 và Bạch Minh H, sinh ngày 22/9/2015 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Bạch Văn Q cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Thu H và anh Bạch Văn Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung chưa thành niên; không ai được lạm dụng việc thăm nom cản trở các quyền này. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung, nợ chung về tài sản: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019813 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường L,
  quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hoàng